TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT – TP. HÀ NỘI
Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày 14/5/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Mai
- Ông Đăng Văn Tần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Phùng Văn Chung* - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Đặng Nguyễn A, sinh năm 1983 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Hồng B, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện Thạch Thất, TP.Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn anh Lê Đặng Nguyễn A trình bày: Anh và chị B kết hôn ngày 30/9/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, anh và chị B có được tự do tìm hiểu khoảng 1 năm. Sau khi kết hôn, chị B về chung sống cùng anh tại gia đình bố mẹ đẻ anh tại thôn D, xã E. Anh và chị B chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị B không quan tâm đến gia đình, chị B có nhiều mối quan hệ không lành mạnh bên ngoài. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau từ năm 2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên cháu là: Lê Trúc C, sinh ngày

03/3/2014. Ly hôn anh xin nuôi cháu C vì cháu C sinh sống cùng anh từ cuối năm 2014 đến nay. Chị B thường xuyên vắng nhà và không có thời gian
chăm sóc cháu C. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Quá trình chung sống anh và chị B không có tài sản chung gì và không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ.

Do điều kiện công việc anh không tham gia tố tụng tại phiên toà anh đề nghị toà án xét xử vắng mặt anh.

Tại bản tự khai chị B bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị nhất trí lời trình bày của anh A. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh A tại gia đình bố mẹ đẻ anh A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tháng 9/2014 chị và anh A đã sống ly thân đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh A xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh A trình bày là đúng. Ly hôn chị xin nuôi cháu C và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Quá trình tham gia tố tụng tại toà án, chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Chị đồng ý ly hôn anh A và giao cháu C cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị giữ nguyên quan điểm khác đã trình bày tại toà án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều cư trú trên địa bàn huyện Thạch Thất và đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung gì. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Thạch Thất chỉ giải quyết hai mối quan hệ: ly hôn, nuôi con chung là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của anh A xin được ly hôn với chị B:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh A, chị B kết hôn ngày 30/9/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh A, chị B chung sống cùng nhau đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay. Anh A xin ly hôn, chị B đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh A, chị B mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được

nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A và xử cho anh Lê Đặng Nguyễn A được ly hôn chị Bùi Hồng B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của anh A xin được nuôi cháu: Lê Trúc C, sinh ngày 03/3/2014 và chị B cũng đồng ý yêu cầu của anh A. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh A và chị B đều là giáo viên, đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên kể từ khi anh A, chị B sống ly thân nhau đến nay, anh A trực tiếp nuôi
dưỡng cháu C, bản thân chị B không có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu C, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu C cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét đề nghị của anh A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu C là tự nguyện theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh A.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh Lê Đặng Nguyễn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đặng Nguyễn A. Anh Lê Đặng Nguyễn A được ly hôn chị Bùi Hồng B.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đặng Nguyễn A và chị Bùi Hồng B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trúc C, sinh ngày 03/3/2012 cho anh Lê Đặng Nguyễn A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trúc C cho chị B đến khi có quyết định khác. Chị B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Lê Đặng Nguyễn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000799 ngày 10/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

5. Về quyền kháng cáo: Anh A, chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- UBND xã Kim Quan;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIấN TOÀ

Tạ Thị Ninh